

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU, PHỔ BIẾN LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN
*(Tài liệu dành cho Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh
và Tuyên truyền viên pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên)*

Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 23/4/2026, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2026 (Luật số 01/2026/QH16). Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 hết hiệu lực từ ngày Luật số 01/2026/QH16 có hiệu lực thi hành, trừ quy định tại khoản 4 Điều 31 của Luật số 01/2026/QH16.

PHẦN I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định yêu cầu tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; thực hiện hiệu quả phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới yêu cầu tiếp tục thể chế hóa đầy đủ các quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền công dân; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đặt ra yêu cầu đẩy mạnh phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; hoàn thành việc xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; khai thác hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số. Đây là cơ sở quan trọng để hoàn thiện pháp luật về tiếp cận thông tin theo hướng tăng cường công khai, cung cấp thông tin trên môi trường số, tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin.

Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân xác định yêu cầu xây dựng môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, dễ tuân thủ, chi phí thấp; công khai, minh bạch và chủ động cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Quyền tiếp cận thông tin được bảo đảm đầy đủ sẽ góp phần hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận chính sách, pháp luật, thông tin thị trường, dịch vụ công, qua đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, nâng cao chất lượng, tính khả thi, tính đồng bộ của hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu quản trị quốc gia hiện đại. Việc ban hành Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 là một trong những nhiệm vụ nhằm cụ thể hóa chủ trương này trong lĩnh vực bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.

Bên cạnh đó, các chủ trương của Đảng về tăng cường trách nhiệm giải trình, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân đều đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện cơ chế pháp lý về công khai, minh bạch thông tin trong hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Về cơ sở hiến định, Điều 25 Hiến pháp năm 2013 quy định công dân có quyền tiếp cận thông tin. Trên cơ sở đó, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 ngày 06/4/2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin và để cơ quan nhà nước thực hiện trách nhiệm công khai, cung cấp thông tin.

Tuy nhiên, trong bối cảnh yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đẩy mạnh chuyển đổi số, sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và hoàn thiện cơ chế công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, việc ban hành Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 thay thế Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 là cần thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, quy định của Hiến pháp và yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2. Cơ sở thực tiễn

Sau gần 08 năm thi hành, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 đã tạo khuôn khổ pháp lý quan trọng để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân, tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Công tác công khai thông tin, cung cấp thông tin theo yêu cầu từng bước được các bộ, ngành, địa phương triển khai; nhận thức của cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức và người dân về quyền tiếp cận thông tin ngày càng được nâng lên.

Tuy nhiên, quá trình tổng kết thi hành Luật cho thấy còn một số hạn chế, khó khăn, vướng mắc cần được khắc phục, cụ thể:

- Một số quy định về phạm vi, trách nhiệm cung cấp thông tin chưa thật sự phù hợp với yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và thực tiễn phân cấp, phân quyền hiện nay.

- Việc xác định thông tin được tiếp cận, thông tin không được tiếp cận, thông tin được tiếp cận có điều kiện ở một số trường hợp còn có cách hiểu, cách áp dụng chưa thống nhất.

- Công tác công khai thông tin tại một số cơ quan, đơn vị chưa đầy đủ, chưa kịp thời; hình thức công khai chưa thật sự thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công khai, cung cấp thông tin còn chưa đồng đều; cơ sở dữ liệu thông tin ở một số nơi chưa được cập nhật, số hóa, kết nối, chia sẻ hiệu quả.

- Một số quy định về trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu chưa thật sự thuận lợi trong thực tiễn thực hiện.

- Điều kiện bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin, nhất là về nhân lực, kinh phí, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị tại một số địa bàn miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn còn hạn chế.

Bên cạnh đó, thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu bảo vệ quyền con người, quyền công dân, cải cách hành chính, chuyển đổi số, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng đặt ra yêu cầu phải hoàn thiện pháp luật về tiếp cận thông tin theo hướng vừa mở rộng khả năng tiếp cận thông tin của công dân, vừa bảo đảm hài hòa với yêu cầu bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, trong bối cảnh chuyển đổi số, pháp luật về tiếp cận thông tin của nhiều quốc gia được hoàn thiện theo hướng tăng cường công khai chủ động, mở rộng phương thức tiếp cận thông tin trên môi trường số, nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan công quyền, đồng thời bảo vệ quyền riêng tư, dữ liệu cá nhân, bí mật kinh doanh và an ninh quốc gia.

Từ những cơ sở nêu trên, việc ban hành Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 là cần thiết nhằm tiếp tục thể chế hóa quyền tiếp cận thông tin của công dân theo Hiến pháp; cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng; khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật năm 2016; tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; đẩy mạnh chuyển đổi số trong công khai, cung cấp thông tin; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính hiện đại, phục vụ Nhân dân.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục tiêu

Việc ban hành Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng và quy định của Hiến pháp về quyền tiếp cận thông tin của công dân; khắc phục hạn chế, bất cập trong quá trình thi hành Luật Tiếp cận thông tin năm 2016; bảo đảm tốt hơn quyền tiếp cận thông tin của công dân, tạo điều kiện để người dân thực hiện quyền làm chủ, tham gia quản lý nhà nước và xã hội, giám sát hoạt động của cơ quan, đơn vị; tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động của cơ

quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; mở rộng phạm vi thông tin công dân được tiếp cận, đa dạng hóa hình thức công khai, cung cấp thông tin, nhất là trên môi trường số; phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số, cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu quản trị quốc gia hiện đại; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, khả thi của hệ thống pháp luật, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn mới.

2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng Luật

Việc xây dựng Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 được thực hiện trên các quan điểm chỉ đạo sau:

Thứ nhất, tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, trong đó có quyền tiếp cận thông tin; thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Thứ hai, tăng cường trách nhiệm công khai, minh bạch, giải trình của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; góp phần phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Thứ ba, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân được thực hiện thuận lợi, bình đẳng, kịp thời, chính xác, minh bạch; quan tâm tạo điều kiện cho người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người sinh sống ở khu vực miền núi, biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

Thứ tư, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong công khai, cung cấp thông tin; khuyến khích cung cấp thông tin qua Internet, cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, cổng dữ liệu, ứng dụng di động và các nền tảng số phù hợp.

Thứ năm, bảo đảm hài hòa giữa quyền tiếp cận thông tin với yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh, an toàn thông tin, an ninh mạng và quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Thứ sáu, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ, khả thi của Luật; phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên; kế thừa các quy định còn phù hợp, đồng thời sửa đổi, bổ sung những quy định không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Thứ bảy, đổi mới kỹ thuật lập pháp theo hướng Luật quy định những nội dung cơ bản, có tính nguyên tắc, ổn định lâu dài; giao Chính phủ và cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết những nội dung cần linh hoạt, phù hợp với điều kiện tổ chức thi hành trong từng giai đoạn.

Việc ban hành Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân; nâng cao tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động của cơ quan, đơn vị;

thúc đẩy chuyển đổi số trong cung cấp thông tin và xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, phục vụ Nhân dân.

PHẦN II. GIỚI THIỆU VĂN BẢN

I. Bộ cục của Luật

Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 gồm 04 chương, 31 điều, giảm 01 chương và 06 điều so với Luật Tiếp cận thông tin năm 2016.

Bộ cục của Luật bao gồm: Những quy định chung (Chương I từ Điều 1 đến Điều 6); Quyền, nghĩa vụ của công dân, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin (Chương II từ Điều 7 đến Điều 13); Công khai thông tin, cung cấp thông tin theo yêu cầu (Chương III gồm 2 Mục từ Điều 14 đến Điều 28); Điều khoản thi hành (Chương IV từ Điều 29 đến Điều 31).

II. Nội dung cơ bản của Luật

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân; trách nhiệm của cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân. So với Luật năm 2016, Luật năm 2026 mở rộng trách nhiệm công khai, cung cấp thông tin đối với các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu nhằm tăng cường công khai, minh bạch trong các lĩnh vực gắn trực tiếp với quyền, lợi ích hợp pháp của người dân.

Một trong những điểm mới quan trọng của Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 là mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu. Theo đó, bên cạnh các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu cũng có trách nhiệm công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân theo quy định của Luật.

Việc mở rộng phạm vi điều chỉnh xuất phát từ vị trí, vai trò đặc thù của các đơn vị sự nghiệp công lập trong việc cung cấp các dịch vụ thiết yếu phục vụ nhu cầu cơ bản của người dân. Theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập và ngân sách nhà nước, đây là các dịch vụ do Nhà nước bảo đảm cung cấp, gắn trực tiếp với việc thực hiện các quyền cơ bản của người dân.

Đồng thời, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 xác định Nhà nước có trách nhiệm bảo đảm cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, nâng cao khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ cho mọi tầng lớp nhân dân. Việc Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 mở rộng đến đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu góp phần tăng cường tính công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân đối với các hoạt động cung ứng dịch vụ sự nghiệp công có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân.

Luật không mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với các tổ chức khác có sử dụng ngân sách nhà nước hoặc tài sản nhà nước như các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoặc doanh nghiệp nhà nước.

Việc công khai, minh bạch thông tin của các chủ thể này đã được điều chỉnh bởi các quy định pháp luật chuyên ngành tương ứng. Cách tiếp cận này cũng phù hợp với xu hướng chung của nhiều quốc gia, theo đó nghĩa vụ cung cấp thông tin chủ yếu được đặt ra đối với các cơ quan nhà nước và các tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ cung cấp dịch vụ công.

2. Về những quy định chung

2.1. Về giải thích từ ngữ: Trong Luật này, “thông tin” được hiểu là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan, đơn vị tạo ra hoặc nắm giữ. So với Luật năm 2016, Luật đã bổ sung, làm rõ các khái niệm “thông tin do cơ quan, đơn vị tạo ra” và “thông tin do cơ quan, đơn vị nắm giữ”.

Cụ thể: Thông tin do cơ quan, đơn vị tạo ra là thông tin được tạo ra trong quá trình cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan, đơn vị đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản; Thông tin do cơ quan, đơn vị nắm giữ là thông tin do cơ quan, đơn vị nhận được trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Việc phân biệt 02 khái niệm này làm cơ sở để xác định phạm vi thông tin mà cơ quan, đơn vị phải công khai, cung cấp theo yêu cầu cho công dân. Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra (trừ trường hợp quy định tại Điều 15 của Luật về thông tin công dân không được tiếp cận; đối với thông tin quy định tại Điều 16 Luật này thì cung cấp thông tin khi có đủ điều kiện theo quy định). Bên cạnh đó, các cơ quan, đơn vị cũng có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình nắm giữ trong trường hợp việc cung cấp thông tin là cần thiết để bảo vệ lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng.

2.2. Về nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin: Luật kế thừa và bổ sung các nguyên tắc cơ bản của Luật năm 2016. Bên cạnh đối tượng là người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì Luật năm 2026 bổ sung đối tượng là người dân tộc thiểu số được Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Bên cạnh đó, Luật bổ sung nguyên tắc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, tăng cường cung cấp thông tin trên môi trường số.

2.3. Về các hành vi bị nghiêm cấm: Luật kế thừa các quy định của Luật năm 2016, đồng thời bổ sung một số hành vi bị nghiêm cấm nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số, như nghiêm cấm phát tán, mua bán trái pháp luật hoặc cố ý làm lộ thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, dữ liệu cá nhân,

bí mật gia đình; lợi dụng việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc gây cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức.

2.4. Về áp dụng pháp luật: Luật tiếp tục khẳng định Luật này áp dụng chung cho việc tiếp cận thông tin của công dân. Trường hợp luật khác có quy định về việc tiếp cận thông tin mà không trái với nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin (tại Điều 3 của Luật này) thì thực hiện theo quy định của luật đó.

3. Về người thực hiện quyền tiếp cận thông tin, trách nhiệm cung cấp thông tin và các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin

3.1. Về người thực hiện quyền tiếp cận thông tin: Luật tiếp tục khẳng định công dân là chủ thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo quy định của Luật. Đồng thời, để bảo đảm tính thống nhất với Bộ luật Dân sự và bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của các nhóm đối tượng đặc thù, Luật bổ sung quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin đối với người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và người dưới 18 tuổi.

3.2. Về quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin: Điều 8 của Luật quy định công dân có các quyền: được cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, minh bạch, thuận lợi; khiếu nại, tố cáo, khởi kiện hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin. Đồng thời quy định công dân có các nghĩa vụ: tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin; không làm sai lệch nội dung thông tin đã được cung cấp; không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin bằng các phương thức sau: (1) tự do tiếp cận thông tin được cơ quan, đơn vị công khai; (2) yêu cầu cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin.

3.3. Về phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin: Điều 10 của Luật quy định cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra, trừ trường hợp quy định tại Điều 15 của Luật này; đối với trường hợp quy định tại Điều 16 của Luật này thì cung cấp thông tin khi có đủ điều kiện theo quy định. Bên cạnh đó, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình nắm giữ trong trường hợp việc cung cấp thông tin là cần thiết để bảo vệ lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng.

Luật quy định cơ quan, đơn vị trực tiếp tổ chức thực hiện việc cung cấp thông tin, trừ một số trường hợp sau đây:

- Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm cung cấp thông tin do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

- Văn phòng Chủ tịch nước có trách nhiệm cung cấp thông tin do Chủ tịch nước tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

- Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm cung cấp thông tin do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin do Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

- Đơn vị đầu mối do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định có trách nhiệm cung cấp thông tin do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tạo ra và thông tin do mình tạo ra;

- Đơn vị đầu mối do Ủy ban nhân dân cấp xã xác định có trách nhiệm cung cấp cho công dân cư trú trên địa bàn thông tin do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác của cấp mình tạo ra và thông tin do mình tạo ra; cung cấp cho công dân khác thông tin này trong trường hợp liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ;

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định đầu mối thực hiện cung cấp thông tin trong hệ thống tổ chức của mình.

So với Luật năm 2016, Luật năm 2026 điều chỉnh phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin của UBND cấp xã. Theo đó, UBND cấp xã có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra, không cung cấp thông tin do mình nhận được từ cơ quan khác (trừ một số trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 10, khoản 2 Điều 17 và khoản 4 Điều 23 của Luật) nhằm bảo đảm tính hợp lý, khả thi trong bối cảnh mở rộng chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cấp xã. Đồng thời, Luật quy định UBND cấp tỉnh, cấp xã chủ động xác định đầu mối cung cấp thông tin (điểm đ và điểm e khoản 2 Điều 10), bảo đảm phù hợp với nguyên tắc phân quyền, phân cấp và tính linh hoạt, chủ động trong quản lý, điều hành của UBND các cấp. Quy định này cũng phù hợp với thực tiễn triển khai thi hành việc cung cấp thông tin tại chính quyền địa phương các cấp hiện nay.

3.4. Về tiếp cận một phần hồ sơ, tài liệu: Luật bổ sung quy định đối với hồ sơ, tài liệu có chứa cả thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin công dân được tiếp cận và các phần thông tin có thể được phân tách hợp lý, các cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định cung cấp một phần hồ sơ, tài liệu chứa thông tin công dân được tiếp cận (khoản 4 Điều 10). Quy định này góp phần bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân đối với những thông tin mà pháp luật cho phép tiếp cận (thay vì từ chối toàn bộ hồ sơ, tài liệu), đồng thời vẫn bảo đảm yêu cầu bảo vệ các thông tin thuộc diện không được tiếp cận hoặc hạn chế tiếp cận theo quy định của pháp luật.

3.5. Về trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin: Luật quy định khái quát trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin, như trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin; rà soát, phân loại, kiểm tra, bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp; duy trì, lưu giữ, cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin... (Điều 11).

Đồng thời, Luật bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan, đơn vị tạo điều kiện và khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, áp dụng tiên bộ khoa học, công nghệ vào việc xây dựng hệ thống thông tin công cộng; nâng cấp, đầu tư các trang thiết bị chuyên dùng phục vụ cho hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan, đơn vị ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật liên quan (khoản 2 Điều 11). Quy định này có ý nghĩa thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động cung cấp thông tin, đồng thời khuyến khích huy động nguồn lực xã hội tham gia xây dựng hệ thống thông tin công cộng.

Bên cạnh đó, việc đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cung cấp thông tin tại khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn góp phần tạo điều kiện để mọi công dân được tiếp cận thông tin một cách bình đẳng, thuận lợi và hiệu quả.

Để bảo đảm tính linh hoạt và phù hợp với thực tiễn, Luật giao Chính phủ quy định chi tiết các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin và trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu. Bên cạnh đó, Luật tiếp tục kế thừa quy định về giám sát việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin và khiếu nại, tố cáo, khởi kiện, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.

4. Về phạm vi thông tin được tiếp cận

Điều 14 của Luật khẳng định công dân được tiếp cận thông tin của cơ quan, đơn vị, trừ thông tin không được tiếp cận quy định tại Điều 15 của Luật này; được tiếp cận có điều kiện đối với thông tin quy định tại Điều 16 của Luật này. So với Luật năm 2016, Luật sửa đổi các quy định về phạm vi thông tin công dân không được tiếp cận và thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (Điều 15 và Điều 16) để bảo đảm cụ thể, đầy đủ, rõ ràng hơn và thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật có liên quan. Việc tiếp cận thông tin thuộc dữ liệu cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Việc tiếp cận có điều kiện đối với tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Luật cũng quy định trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định việc cung cấp thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, dữ liệu cá nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh trong trường hợp cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng theo quy định của luật có liên quan mà không cần có sự đồng ý (khoản 4 Điều 16).

5. Về thông tin phải được công khai

Luật sửa đổi, bổ sung các thông tin phải được công khai (Điều 17) để mở rộng các thông tin công dân được tự do tiếp cận rộng rãi, đồng thời bảo đảm đồng bộ với các luật chuyên ngành trong các lĩnh vực (như y tế, giáo dục, văn hóa, an toàn thực phẩm, môi trường, tài chính, đất đai, xây dựng...), tạo thuận

lợi cho người dân tiếp cận các thông tin liên quan mật thiết đến đời sống, sản xuất, kinh doanh, lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng. Đây là một trong những điểm mới quan trọng của Luật nhằm tăng cường trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc chủ động công khai thông tin, giúp người dân, doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thông tin mà không phải thực hiện thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong nhiều trường hợp.

6. Về hình thức, trình tự, thủ tục công khai thông tin

6.1. Về hình thức, trình tự, thủ tục công khai thông tin: Luật quy định các hình thức công khai thông tin theo hướng đa dạng hóa, kết hợp linh hoạt giữa phương thức truyền thống (đăng Công báo, niêm yết...) và ứng dụng công nghệ số nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận thông tin nhanh chóng, kịp thời, tiết kiệm thời gian, chi phí. Trong đó, Luật bổ sung một số hình thức công khai thông tin trên nền tảng số như đăng tải trên cổng dữ liệu, các kênh thông tin, trang cộng đồng chính thức của cơ quan, đơn vị, phù hợp với xu hướng chuyển đổi số và nhu cầu tiếp cận thông tin ngày càng tăng của người dân trên môi trường mạng.

Trường hợp pháp luật chuyên ngành đã có quy định về hình thức công khai thông tin đối với thông tin cụ thể thì cơ quan, đơn vị áp dụng quy định đó. Trường hợp pháp luật không quy định cụ thể hình thức công khai thì căn cứ điều kiện, khả năng thực tế, cơ quan, đơn vị lựa chọn một hoặc một số hình thức công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều 18 của Luật, bảo đảm công dân tiếp cận được thông tin. Đối với người khuyết tật, người dân tộc thiểu số và người sinh sống tại các địa bàn khó khăn, cơ quan, đơn vị xác định hình thức công khai thông tin phù hợp với khả năng, điều kiện tiếp cận thông tin của công dân.

Luật đồng thời quy định cơ quan, đơn vị phải công khai trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị mình các thông tin phải được công khai theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Luật và các thông tin khác theo quy định của pháp luật. Căn cứ điều kiện thực tế, cơ quan, đơn vị công khai các thông tin do mình tạo ra hoặc nắm giữ trên cổng dữ liệu, các kênh nội dung, trang cộng đồng chính thức. Trường hợp chưa có cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, cổng dữ liệu, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm công khai thông tin trên các kênh nội dung, trang cộng đồng chính thức hoặc bằng hình thức thích hợp khác.

6.2. Về thời điểm công khai thông tin: Luật kế thừa quy định của Luật năm 2016, theo đó, thời điểm công khai thông tin đối với từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan; trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày tạo ra thông tin, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phải công khai thông tin.

6.3. Về xử lý thông tin công khai không chính xác: Thông tin đã công khai không chính xác phải được kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính (các trường hợp cụ thể được quy định tại Điều 22 của Luật). Thông tin công khai không chính xác bằng hình thức nào thì phải được đính chính bằng hình thức đó; đồng thời công khai thông tin đã được đính chính trên cổng dữ

liệu, cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, kênh nội dung, trang cộng đồng chính thức của cơ quan, đơn vị đã công khai thông tin không chính xác.

Quy định này nhằm bảo đảm việc xử lý nhanh chóng, kịp thời các thông tin không chính xác, tăng cường khả năng người dân được tiếp cận thông tin chính thống và chính xác của cơ quan, đơn vị trên nhiều nền tảng.

7. Về cung cấp thông tin theo yêu cầu

7.1. Về các trường hợp cung cấp thông tin theo yêu cầu: Luật tiếp tục quy định 04 nhóm thông tin được cung cấp theo yêu cầu. Cụ thể: (i) nhóm thông tin phải công khai nhưng chưa hoặc không thể tiếp cận, bao gồm thông tin phải được công khai theo quy định nhưng chưa được công khai trong thời hạn, đã hết thời hạn công khai hoặc người dân không tiếp cận được vì lý do bất khả kháng; (ii) nhóm thông tin liên quan đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, dữ liệu cá nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh được cung cấp khi đáp ứng đủ điều kiện được tiếp cận theo quy định của Điều 16 của Luật; (iii) nhóm thông tin liên quan đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người yêu cầu cung cấp thông tin nhưng không thuộc loại thông tin quy định tại Điều 17 và khoản 2

Điều 23 của Luật; (iv) nhóm thông tin khác (ngoài 03 nhóm thông tin nêu trên) do cơ quan, đơn vị tạo ra hoặc nắm giữ, căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn và điều kiện thực tế của mình, cơ quan, đơn vị có thể cung cấp thông tin để bảo vệ lợi ích công cộng và sức khỏe cộng đồng.

7.2. Về hình thức yêu cầu và cung cấp thông tin theo yêu cầu: Luật năm 2026 quy định người yêu cầu có thể trực tiếp hoặc thông qua người đại diện yêu cầu cung cấp thông tin bằng một trong các hình thức: tại cơ quan, đơn vị; qua dịch vụ bưu chính; qua mạng Internet, bao gồm qua thư điện tử, cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, cổng dữ liệu, cổng dịch vụ công quốc gia, ứng dụng di động hoặc các nền tảng số khác do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền công bố (khoản 2 Điều 24). Bên cạnh đó, Luật bổ sung quy định người yêu cầu cung cấp thông tin tại trụ sở cơ quan, đơn vị được sử dụng điện thoại di động và các phương tiện kỹ thuật khác của cá nhân để sao, chụp, tải về văn bản, hồ sơ, tài liệu, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định khác. Quy định này phù hợp với điều kiện kỹ thuật hiện nay, giúp người dân tiết kiệm chi phí sao chụp, thời gian đi lại và tăng khả năng tiếp cận thông tin của công dân. Luật cũng quy định cơ quan, đơn vị được yêu cầu có trách nhiệm cung cấp thông tin theo hình thức mà người yêu cầu đề nghị phù hợp với tính chất của thông tin được yêu cầu cung cấp, điều kiện và khả năng của cơ quan, đơn vị, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác (khoản 3 Điều 24); khuyến khích việc cung cấp thông tin qua mạng Internet (khoản 4 Điều 24).

7.3. Về trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu: Luật quy định công dân có thể yêu cầu cung cấp thông tin trực tiếp tại cơ quan, đơn vị; qua dịch vụ bưu chính; hoặc qua Internet, bao gồm thư điện tử, cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, cổng dữ liệu, Cổng dịch vụ công quốc gia, ứng dụng di động hoặc nền tảng số khác do cơ quan, đơn vị có thẩm quyền công bố. Thời hạn cung cấp thông tin chậm nhất là 12 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp

lệ; trường hợp cần gia hạn thì thời gian gia hạn tối đa không quá 12 ngày và phải thông báo bằng văn bản trong thời hạn cung cấp thông tin.

Đồng thời, Luật giao Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu. Theo đó, các nội dung cụ thể như các mẫu văn bản sử dụng trong cung cấp thông tin theo yêu cầu, trình tự, thủ tục, thời hạn cung cấp thông tin sẽ được quy định cụ thể tại Nghị định của Chính phủ. Việc sửa đổi, bổ sung theo hướng trên vừa bảo đảm Luật quy định các nguyên tắc cơ bản, tạo cơ sở pháp lý để Chính phủ quy định chi tiết, vừa bảo đảm đúng tinh thần đổi mới kỹ thuật lập pháp, phân định rõ thẩm quyền giữa Quốc hội và Chính phủ.

7.4. Về chi phí tiếp cận thông tin: Luật quy định công dân được cung cấp thông tin không phải trả phí, lệ phí, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định khác. Người yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin. Tuy nhiên, Luật cũng quy định 02 trường hợp không phải trả chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin, bao gồm: trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin trong thời hạn công khai nhưng chưa được công khai hoặc thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được (điểm a và điểm c khoản 1 Điều 23). Đồng thời, Luật tiếp tục giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 25.

7.5. Về từ chối yêu cầu cung cấp thông tin: Luật cơ bản kế thừa quy định về 06 trường hợp từ chối yêu cầu cung cấp thông tin, bao gồm: (i) Thông tin quy định tại Điều 15 của Luật này; thông tin không đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 16 của Luật này; (ii) Thông tin được công khai theo quy định tại Điều 17 của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật này; (iii) Thông tin được yêu cầu không thuộc trách nhiệm cung cấp; (iv) Thông tin đã được cung cấp hai lần cho chính người yêu cầu, trừ trường hợp người yêu cầu có lý do chính đáng; (v) Thông tin được yêu cầu vượt quá khả năng đáp ứng hoặc làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị; (vi) Người yêu cầu cung cấp thông tin không thanh toán chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin theo quy định tại Điều 25 của Luật này.

7.6. Về xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác, không đầy đủ: Luật sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác, không đầy đủ, bảo đảm bao quát các trường hợp có thể xảy ra trên thực tế, tăng cường trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong kịp thời xử lý để cung cấp lại thông tin chính xác, cung cấp bổ sung thông tin thiếu.

8. Về điều khoản thi hành

Luật tiếp tục kế thừa quy định về điều khoản áp dụng của Luật năm 2016. Theo đó, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam được yêu cầu cung cấp thông tin liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của mình (việc cung cấp thông tin đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam được áp dụng theo quy định tại Mục 3 Chương III của Luật này). Công dân có thể yêu cầu cung cấp thông tin thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp của mình trong trường hợp nhiều người của tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp đó cùng có yêu cầu cung cấp thông tin giống nhau.

Về hiệu lực thi hành, Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2026. Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 hết hiệu lực từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Về điều khoản chuyển tiếp: Luật quy định các trường hợp chuyển tiếp nhằm bảo đảm tính liên tục, ổn định và tránh khoảng trống pháp lý khi Luật có hiệu lực thi hành.

PHẦN III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 được ban hành trên cơ sở kế thừa các quy định còn phù hợp của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, đồng thời sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà nước và bảo đảm tốt hơn quyền tiếp cận thông tin của công dân trong giai đoạn mới.

1. Đối với công dân

Luật tạo điều kiện thuận lợi hơn để công dân tiếp cận thông tin nhanh chóng, kịp thời, chính xác, minh bạch, thuận tiện, thông qua việc mở rộng phạm vi thông tin phải công khai, đa dạng hóa hình thức công khai và cung cấp thông tin, tăng cường cung cấp thông tin trên môi trường số.

Các quy định mới của Luật góp phần giảm thời gian, chi phí trong quá trình tìm kiếm, khai thác thông tin; nâng cao khả năng tiếp cận thông tin của người dân, nhất là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người sinh sống ở khu vực miền núi, biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

Việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân góp phần thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; tạo điều kiện để công dân thực hiện quyền giám sát, tham gia quản lý nhà nước và xã hội, khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và các quyền dân chủ khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với cơ quan nhà nước

Luật tạo cơ sở pháp lý để nâng cao trách nhiệm công khai, minh bạch, giải trình của cơ quan nhà nước trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm chủ động rà soát, phân loại, công khai thông tin; tổ chức tiếp nhận, xử lý yêu cầu cung cấp thông tin của công dân; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công khai, cung cấp thông tin; bảo đảm thông tin được cung cấp đúng phạm vi, đúng thẩm quyền, đúng thời hạn, chính xác, đầy đủ theo quy định. Đối với chính quyền địa phương, Luật có ý nghĩa quan trọng trong việc tổ chức thực hiện quyền tiếp cận thông tin phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm tính thống nhất, khả thi, rõ đầu mối, rõ trách nhiệm trong quá trình công khai và cung cấp thông tin cho công dân.

3. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu

Luật bổ sung trách nhiệm công khai, cung cấp thông tin của đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu. Quy định này góp phần tăng cường công khai, minh bạch trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống Nhân dân như giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học, môi trường, an sinh xã hội và các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu khác theo quy định.

Việc thực hiện trách nhiệm công khai, cung cấp thông tin tạo điều kiện để người dân tiếp cận đầy đủ hơn thông tin liên quan đến việc cung ứng dịch vụ công, chất lượng dịch vụ, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ; đồng thời thúc đẩy các đơn vị sự nghiệp công lập đổi mới phương thức quản trị, nâng cao chất lượng phục vụ, sử dụng hiệu quả nguồn lực công.

4. Đối với công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội

Luật góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước thông qua việc tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; phòng ngừa tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận thông tin chính sách, pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, dịch vụ công và các thông tin cần thiết phục vụ sản xuất, kinh doanh, đời sống xã hội.

Việc đẩy mạnh công khai, cung cấp thông tin trên môi trường số còn góp phần thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số, chính quyền số, xã hội số, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân.

II. NHIỆM VỤ TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT

Để triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 kịp thời, thống nhất, hiệu quả, các cơ quan, đơn vị, địa phương cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Luật

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung của Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật cấp xã, Nhân dân, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan.

2. Rà soát, xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật, quy chế, quy trình nội bộ có liên quan đến công khai, cung cấp thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ dữ liệu cá nhân, lưu trữ, báo chí, thủ tục hành chính, chuyển đổi số và các lĩnh vực chuyên ngành khác.

Trên cơ sở kết quả rà soát, kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản thuộc thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

3. Xác định đầu mối cung cấp thông tin

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm xác định, kiện toàn đơn vị đầu mối cung cấp thông tin theo quy định của Luật; công khai thông tin về đầu mối cung cấp thông tin để công dân thuận tiện liên hệ, gửi yêu cầu và theo dõi kết quả giải quyết.

Việc xác định đầu mối cần bảo đảm rõ trách nhiệm, rõ quy trình phối hợp, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của từng cơ quan, đơn vị, không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế không cần thiết.

4. Rà soát, phân loại, lập danh mục và công khai thông tin

Các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát, phân loại thông tin do mình tạo ra hoặc nắm giữ; trên cơ sở đó, lập, cập nhật danh mục thông tin phải công khai; tổ chức công khai thông tin đúng thời hạn, đúng hình thức, bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời, minh bạch, thuận lợi cho công dân tiếp cận.

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công khai, cung cấp thông tin

Các cơ quan, đơn vị tăng cường số hóa hồ sơ, tài liệu; xây dựng, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin; công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, cổng dữ liệu, Cổng dịch vụ công quốc gia, ứng dụng di động, kênh thông tin, trang cộng đồng chính thức hoặc nền tảng số phù hợp theo quy định. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phải gắn với yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân, bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

6. Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin; bảo đảm kinh phí, nhân lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật

Kinh phí triển khai thi hành Luật được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; đồng thời lồng ghép với các chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số, cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số, phổ biến, giáo dục pháp luật và các chương trình, dự án có liên quan.

Các cơ quan, đơn vị bố trí nhân lực phù hợp để thực hiện nhiệm vụ công khai, cung cấp thông tin; ưu tiên phân công cán bộ có năng lực chuyên môn, hiểu biết pháp luật, kỹ năng xử lý thông tin, sử dụng công nghệ thông tin và hỗ trợ công dân.

Đồng thời, rà soát, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật phục vụ công khai, cung cấp thông tin; quan tâm địa bàn miền núi, biên giới,

vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

7. Kiểm tra, theo dõi, đôn đốc và báo cáo kết quả thực hiện

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc thi hành Luật; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót trong công khai, cung cấp thông tin; xử lý hoặc kiến nghị xử lý hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin theo thẩm quyền. Định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất gửi cơ quan có thẩm quyền để hướng dẫn, tháo gỡ, bảo đảm Luật được triển khai thống nhất, hiệu quả.

Việc tổ chức thi hành Luật Tiếp cận thông tin năm 2026 cần được thực hiện đồng bộ, kịp thời, thống nhất, hiệu quả, gắn với nhiệm vụ cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, nâng cao trách nhiệm giải trình và phục vụ Nhân dân.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương cần chủ động xây dựng kế hoạch triển khai; xác định rõ nhiệm vụ, tiến độ, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm đầy đủ điều kiện về nhân lực, kinh phí, hạ tầng kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra, theo dõi, đôn đốc và kịp thời báo cáo khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Thông qua việc triển khai hiệu quả Luật Tiếp cận thông tin năm 2026, quyền tiếp cận thông tin của công dân được bảo đảm tốt hơn; tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong hoạt động của cơ quan, đơn vị được tăng cường; góp phần xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, liêm chính, phục vụ Nhân dân./.